



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 167./2020/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất
giữa niên độ (đã được soát xét).

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 043 8542 365
Fax: 043 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính hợp nhất
giữa niên độ (đã được soát xét), cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(**Có Báo cáo chi tiết kèm theo**).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày 28/8/2020 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Số: 439/ CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng 2020"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngày 30/8/2019 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Quốc tế ICPA. Trên báo cáo tài chính kiểm toán soát xét 6 tháng đầu năm 2020, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

1. Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt.

Đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 282,58 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lãi vay được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn" liên quan đến hạng mục hạng mục lô CT7 - Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 10,8 tỷ đồng, phần chi phí lãi vay vốn hóa còn lại với giá trị 271,78 tỷ đồng đã được Tổng công ty - Công ty mẹ dùng là một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trong năm 2016. Tính đến thời điểm bàn giao dự án này vào ngày 20 tháng 07 năm 2016 cho công ty con, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào dự án này với tổng giá trị lũy kế là 271,6 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu nhập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Trong năm 2017, Tổng Công ty sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty đã vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án là 10,5 tỷ vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác

Trong 6 tháng đầu năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án với giá trị vốn hóa là 26,9 tỷ đồng vào khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - chi phí đi vay (VAS16). Do vậy chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản mục "Đầu tư vào công ty con", "Phải thu ngắn



hạn khác” tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 liên quan đến dự án này hay không.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt:

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.

Vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận, Tổng công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

2. Công nợ phải thu, công nợ phải trả:

2.1 Công nợ phải thu

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể như sau :

- Công ty Cổ phần Licogi 15 nợ phải thu là 91,92 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi nợ phải thu là 11,56 tỷ đồng ;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 nợ phải thu là 120,32 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 nợ phải thu tại là 11,9 tỷ đồng;

2.2 Công nợ phải trả.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 13, 58 tỷ đồng;
- Tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 là 14,17 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Licogi 15 là 143,23 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước- Licogi là 24,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 là 253,63 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 là 20,18 tỷ đồng

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến các khoản nợ phải thu, nợ phải trả:

Các nội dung trên là những tồn tại của các công ty con đã phát sinh từ lâu, chưa có khả năng khắc phục do nhiều nguyên nhân như quá trình quyết toán công trình, dự án chưa hoàn thành, phát sinh kiện tụng, khó khăn về tài chính nên việc đối chiếu công nợ với khách hàng gặp khó khăn hoặc do các chủ đầu tư, nhà thầu chính chây ỳ, né tránh việc thực hiện đối chiếu công nợ vì sợ bị đòi nợ, ... Các nội dung này cũng đã được ghi nhận trong ý kiến ngoại trừ của KTV tại các BCTC kiểm toán từ năm 2016 đến nay.

Đối với các khoản nợ phải trả chưa có xác nhận do các đơn vị thành viên đang gặp khó khăn về tài chính, chưa thu xếp được nguồn vốn để trả nợ khách hàng nên Doanh nghiệp chưa ký ĐCCN với khách hàng để tránh tranh chấp về pháp lý.

3. Trích lập dự phòng phải thu khó đòi, tài sản cố định, chi phí lãi vay, phạt chậm nộp thuế của Công ty Licogi 20, Licogi 15, Licogi 17:

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Licogi 17 chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” và “Phải thu ngắn hạn khác” theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT48). Nếu đơn vị này trích lập đầy đủ các khoản dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 thì chỉ tiêu “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” sẽ tăng lên, chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 30 tháng 06 năm 2020 sẽ giảm đi số tiền tương ứng là 20,57 tỷ.

Kiểm toán viên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2020 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 với số tiền là 30,06 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chúng tôi không thể xác định được số chi phí khấu hao cần ghi nhận bổ sung và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Tổng Công ty.

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 với tổng giá trị hàng tồn kho là 132,36 tỷ đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các Công ty con của Tổng Công ty gồm Công ty Cổ phần Licogi 15 và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 chưa ghi nhận các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và các chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019. Trong 06 tháng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần Licogi 15 và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong 06 tháng đầu năm

440
NG T
-CTC
V-T.P

2020. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định số chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến các vấn đề trên:

Đây là những công ty có tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh vẫn đặc biệt khó khăn. Vấn đề này cũng đã được kiểm toán nêu ra từ các báo cáo tài chính các năm trước và đến nay vẫn chưa khắc phục được. Ý kiến kiểm toán này có thể xóa bỏ khi các Công ty con khắc phục được những vấn đề trên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố. *Phan*

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



Phan Thanh Hải



Số: 440/ CV-LICOGI

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN của BTCT hợp nhất soát xét 06 tháng đầu năm 2020"

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 như sau:

1. Giải trình biến động lợi nhuận trước và sau kiểm toán 06 tháng năm 2020

TT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Biến động (%)
		(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính	883,277	882,647	0.071%
2	Tổng chi phí	902,590	905,666	-0.340%
3	Thu nhập khác	15,059	7,643	97.03%
4	Chi phí khác	25,221	17,447	44.56%
5	Lợi nhuận trước thuế	(29,475)	(32,823)	-10.20%
6	Thuế TNDN	2,128	2,351	-9.49%
7	Lợi nhuận sau thuế	(31,603)	(35,174)	-10.15%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2020 sau kiểm toán giảm so với số trước kiểm toán chủ yếu do một số công ty con, công ty liên kết điều chỉnh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau kiểm toán soát xét (Công ty Licogi 19, công ty CP Licogi 9, Công ty CP Cơ khí Đông Anh...).

2. Giải trình kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 so với 06 tháng đầu năm 2019

TT	Chỉ tiêu	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019	Biến động (%)
		(Triệu đồng)	(Triệu đồng)	
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính	882,647	913,950	-3.425%
2	Tổng chi phí	905,666	995,184	-8.995%
3	Thu nhập khác	7,643	12,422	-38.47%
4	Chi phí khác	17,447	14,332	21.73%
5	Lợi nhuận trước thuế	(32,823)	(83,144)	-60.52%
6	Thuế TNDN	2,351	1,622	44.94%
7	Lợi nhuận sau thuế	(35,174)	(84,766)	-58.50%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 06 tháng đầu năm 2020 tăng với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu do lợi nhuận sau thuế của một số công ty tăng như: công ty Cơ khí Đông Anh, Công ty CP Thủy điện Bắc Hà...

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải



Trân trọng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2020**



Tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 59

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch
2. Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên
4. Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
5. Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc
2. Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên
3. Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Thanh Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2020

Số: 082802/2020/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Licogi - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2020, từ trang 8 đến trang 59 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 310,38 tỷ đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các Hợp đồng vay phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh hoặc phục vụ dự án vào khoản mục "Chi phí sản, kinh doanh dở dang dài hạn" với giá trị vốn hóa là 30,66 tỷ đồng. Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS16).

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020, tại các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Licogi 15 nợ phải thu là 91,92 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi nợ phải thu là 11,56 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 nợ phải thu là 120,32 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 nợ phải thu tại là 11,9 tỷ đồng;

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Licogi 17 chưa trích lập đầy đủ các khoản dự phòng phải thu khó đòi cho khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" và "Phải thu ngắn hạn khác" theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT48). Nếu đơn vị này trích lập đầy đủ các khoản dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi theo đúng hướng dẫn tại TT 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 thì chỉ tiêu "Dự phòng nợ phải thu khó đòi" sẽ tăng lên, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kê toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và ngày 30 tháng 06 năm 2020 sẽ giảm đi số tiền tương ứng là 20,57 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Tại Công ty mẹ là 13, 58 tỷ đồng;
- Tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 là 14,17 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Licogi 15 là 143,23 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước- Licogi là 24,06 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 là 253,63 tỷ đồng;
- Tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 là 20,18 tỷ đồng.

Hàng tồn kho và tài sản cố định

Kiểm toán viên không thể thu thập đầy đủ bằng chứng để đánh giá tính hiện hữu của các tài sản cố định đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2020 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 với số tiền là 30,06 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2019 và 06 tháng đầu năm 2020 Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 không thực hiện ghi nhận chi phí khấu hao tài sản cố định vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chúng tôi không thể xác định được số chi phí khấu hao cần ghi nhận bổ sung và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 của Tổng Công ty.

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10, Công ty Cổ phần Licogi 15 và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 với tổng giá trị hàng tồn kho là 132,36 tỷ đồng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Một số sai sót khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các Công ty con của Tổng Công ty gồm Công ty Cổ phần Licogi 15 và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 chưa ghi nhận các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và các chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019. Trong 06 tháng đầu năm 2020, Công ty Cổ phần Licogi 15 và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 tiếp tục chưa ghi nhận bổ sung các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp thuế cũng như các khoản chi phí lãi vay phát sinh trong 06 tháng đầu năm 2020. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán để xác định số chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi- CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 638,37 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.506,96 tỷ đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ vấn đề không chắc chắn này.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với kết luận ngoại trừ với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó vào ngày 29 tháng 08 năm 2019.

Ngoài ra, Công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 09 tháng 04 năm 2020.



**Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.932.083.199.431	2.021.795.433.582
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	199.800.668.071	210.866.723.277
1. Tiền	111		65.724.180.631	85.587.850.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		134.076.487.440	125.278.872.602
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	51.596.466.840	52.327.517.800
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		51.596.466.840	52.327.517.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		919.240.641.925	1.082.146.421.425
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	841.556.329.667	1.027.069.259.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	80.890.459.133	79.122.824.229
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	12.068.740.010	12.553.740.010
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	334.968.639.223	311.056.359.138
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(350.467.501.617)	(347.879.736.892)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		223.975.509	223.975.509
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	726.846.986.550	651.788.075.844
1. Hàng tồn kho	141		744.358.105.114	669.699.615.872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.511.118.564)	(17.911.540.028)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.598.436.045	24.666.695.236
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	4.481.578.889	4.166.720.478
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.528.859.519	19.150.724.007
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	6.587.997.637	1.349.250.751
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.377.230.365.426	2.346.597.021.980
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		166.108.699.108	166.125.699.108
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	165.000.000.000	165.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.108.699.108	1.125.699.108
II. Tài sản cố định	220		418.412.057.445	443.907.836.780
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	390.763.723.600	416.374.495.907
- Nguyên giá	222		1.526.400.958.691	1.552.172.684.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.135.637.235.091)	(1.135.798.188.505)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	27.648.333.845	27.533.340.873
- Nguyên giá	228		29.450.669.806	29.321.169.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.802.335.961)	(1.787.828.933)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	2.663.302.754	2.663.302.754
- Nguyên giá	231		2.745.140.454	2.745.140.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(81.837.700)	(81.837.700)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.14	1.049.243.181.984	1.002.345.544.371
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.029.936.245.395	983.436.254.597
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.306.936.589	18.909.289.774
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		701.378.315.799	691.005.061.416
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	640.960.811.679	625.587.557.296
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	59.260.545.400	59.260.545.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.16	(343.041.280)	(343.041.280)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.500.000.000	6.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		39.424.808.336	40.549.577.551
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	38.353.134.841	39.383.545.618
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.071.673.495	1.166.031.933
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.309.313.564.857	4.368.392.455.562

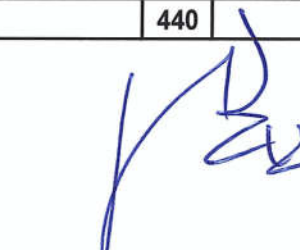
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.962.569.413.908	3.975.957.223.365
I. Nợ ngắn hạn	310		3.439.042.505.931	3.392.892.487.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	687.087.465.974	767.562.013.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	365.060.516.979	314.755.326.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	164.612.772.222	174.992.935.342
4. Phải trả người lao động	314		81.210.871.583	82.355.653.202
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	207.905.069.994	187.785.525.077
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		893.000.000	875.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	237.972.961.306	219.615.229.061
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.677.295.675.861	1.630.290.545.282
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.013.840.202	3.211.587.751
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.990.331.810	11.448.672.037
II. Nợ dài hạn	330		523.526.907.977	583.064.735.609
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.792.115.546	2.959.834.580
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	233.819.046.075	234.020.880.076
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	282.177.837.360	338.199.131.245
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.059.203.819	2.079.201.832
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.678.705.177	5.805.687.876
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		346.744.150.949	392.435.232.197
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	346.744.150.949	392.435.232.197
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.558.651	117.558.651
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(89.169.818.319)	(89.169.818.319)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		88.823.602.382	85.677.025.040
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.083.295.470	2.083.295.470
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(638.369.186.337)	(592.838.301.947)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(601.488.206.330)	(524.235.001.107)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(36.880.980.007)	(68.603.300.840)
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		83.258.699.102	86.565.473.302
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.309.313.564.857	4.368.392.455.562



Lê Thị Thanh Nội
 Người lập



Nguyễn Anh Dũng
 Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 08 năm 2020



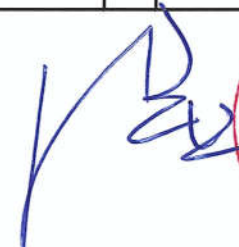
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	864.447.620.900	892.982.448.324
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	955.491.077	34.214.238
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	863.492.129.823	892.948.234.086
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	743.539.596.792	836.105.585.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		119.952.533.031	56.842.648.646
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.782.241.785	47.923.984.122
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	53.413.064.712	54.950.858.122
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.017.768.296	58.484.950.286
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		15.373.254.383	(26.921.864.929)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	29.244.130.634	23.180.042.184
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	79.470.867.575	80.948.968.540
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(23.020.033.722)	(81.235.101.007)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	7.643.673.803	12.422.773.258
13. Chi phí khác	32	VI.8	17.446.763.176	14.332.259.611
14. Lợi nhuận khác	40		(9.803.089.373)	(1.909.486.353)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(32.823.123.095)	(83.144.587.360)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.277.428.588	2.629.030.816
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		74.360.425	(1.007.583.876)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(35.174.912.108)	(84.766.034.300)
- Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty	61		(36.880.980.007)	(83.668.548.997)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.706.067.899	(1.097.485.303)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(410)	(930)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(410)	(930)



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(32.823.123.095)	(83.144.587.360)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	29.194.264.440	32.712.831.232
Các khoản dự phòng	03	2.390.017.176	(13.701.383.298)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(554.474)	(60.775.811)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	12.829.264.473	(28.418.748.401)
Chi phí lãi vay	06	53.017.768.296	58.484.950.286
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	64.607.636.816	(34.127.713.352)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	121.894.956.511	83.432.058.018
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(75.058.910.706)	(23.731.511.711)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(45.589.412.809)	46.978.708.817
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	715.552.366	2.846.343.248
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.344.673.988)	(67.597.480.617)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.520.387.980)	(3.887.048.297)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.605.150.274)	(7.173.477.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.099.609.936	(3.260.121.114)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(60.810.930.053)	(12.734.724.079)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.983.636.363	257.272.727
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(24.800.000.000)	(14.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.531.050.960	330.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.946.740.894	3.876.451.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.149.501.836)	(22.371.000.252)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	723.799.014.874	1.189.139.584.233
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(732.815.178.180)	(1.140.408.679.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.016.163.306)	48.730.905.015
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(11.066.055.206)	23.099.783.649
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	210.866.723.277	108.777.989.204
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	199.800.668.071	131.877.772.853



Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 01001064400 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, số lượng cổ phần 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buro điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh khác của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty gồm:

Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty con cấp 2

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 <i>(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng

Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2020 bao gồm:

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	25,94%	25,94%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)</i>	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 <i>(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)</i>	Hưng Yên	23,63%	45,58%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)</i>	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam <i>(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)</i>	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BCT ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty- Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 638,37 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.506,96 tỷ đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ vấn đề không chắc chắn này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ 6 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, vay và nợ tài chính và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng từ 03 năm đến 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Tổng Công ty dùng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	9.335.474.956	14.916.371.496
Tiền gửi ngân hàng	56.388.705.675	69.171.479.179
Các khoản tương đương tiền (i)	134.076.487.440	125.278.872.602
Tiền đang chuyển	-	1.500.000.000
Cộng	199.800.668.071	210.866.723.277

(i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn	51.596.466.840	52.327.517.800
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	51.596.466.840	52.327.517.800
b. Dài hạn	1.500.000.000	6.500.000.000
Trái phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	5.000.000.000
Cộng	53.096.466.840	58.827.517.800

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	78.890.965.534	93.721.199.216
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	52.843.986.548	62.972.912.255
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	33.712.100.601	87.088.971.567
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia Lâm	19.952.826.845	5.977.566.619
Công ty CP Thực phẩm miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	11.990.541.948	-
Các khách hàng được chuyển giao khi Sáp nhập Cometco vào Licogi 2	11.057.564.409	11.057.564.409
BQL Nhà máy Thủy điện Sơn La	10.217.921.000	20.217.921.000
Công ty CP Xây lắp và Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	8.472.632.461	12.572.632.461
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	8.215.450.157	6.192.002.150
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	7.440.672.819	48.543.033.212
Các khách hàng khác	561.837.346.110	641.801.135.307
Cộng	841.556.329.667	1.027.069.259.431
b. Phải thu khách hàng là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)	4.804.043.818	4.804.043.818

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Alladin - Nước Biêu	7.640.310.000	7.640.310.000
Công ty CP Xây dựng 203	6.829.116.000	6.829.116.000
Đối tượng khác	66.421.033.133	64.653.398.229
Cộng	80.890.459.133	79.122.824.229
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (i)	165.000.000.000	165.000.000.000
Cộng	165.000.000.000	165.000.000.000
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)</i>	3.695.789.577	3.695.789.577

- (i) Đây là số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 với mục đích để Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương đứng ra thay mặt Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện giải phóng mặt bằng tại khu đô thị Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 8 (i)	12.068.740.010	12.553.740.010
Cộng	12.068.740.010	12.553.740.010
b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)</i>	12.068.740.010	12.553.740.010

- (i) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về cổ phần hóa	4.546.324.785	3.624.299.293
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.716.806.500
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.455.213.419	3.006.667.781
Phải thu người lao động	3.173.942.012	3.932.148.296
Phải thu về bảo hiểm xã hội	352.448.346	1.197.096
Tạm ứng	150.588.381.453	114.202.947.921
Ký quỹ ký cược	3.590.343.087	4.837.209.109
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (i)	56.104.248.572	56.104.248.572
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	27.423.400.314	25.496.220.371
Phải thu BĐH Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu liên quan đến Dự án thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	6.079.942.000
Phải thu Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 (ii)	17.241.013.260	17.241.013.260
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐTMT Yên Thanh	1.082.374.751	1.082.374.751
Phải thu khác	35.837.603.275	48.237.880.239
Cộng	334.968.639.223	311.056.359.138
b. Phải thu dài hạn khác		
Cầm cố ký quỹ ký cược dài hạn	1.108.699.108	1.125.699.108
Cộng	1.108.699.108	1.125.699.108
c. Các khoản phải thu khác là bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)</i>	4.609.034.912	4.628.746.912

- (i) Đây là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.
- (ii) Khoản phải thu tại Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan tới số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 về việc chuyển nhượng Dự án KĐTMT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm tuy nhiên Tổng Công ty bắt đầu trích lập dự phòng cho khoản phải thu này từ năm 2017 và số trích lập lũy kế đến 31/12/2019 là 5,5 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.102.198.671	2.552.981.070
Các khoản khác	2.379.380.218	1.613.739.408
Cộng	4.481.578.889	4.166.720.478
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.324.397.415	10.755.582.586
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	8.817.068.533	9.631.724.526
Tiền thuê đất	6.408.239.045	5.954.113.080
Các khoản khác	12.803.429.848	13.042.125.426
Cộng	38.353.134.841	39.383.545.618

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839	-	21.261.594.839
Công ty CP Thực phẩm miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396	-	15.662.726.396
Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	12.572.632.461	-	12.572.632.461
Ban điều hành Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949	-	25.493.403.949
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	17.241.013.260	5.472.303.979	11.768.709.281	5.472.303.979
Phải thu BQL dự án KĐT Thịnh Liệt	55.974.748.572	54.986.617.577	1.117.630.995	56.104.248.572
Các khoản phải thu được chuyển giao khi sáp nhập COMETCO vào công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	27.423.400.314	27.423.400.314	-	27.423.400.314
Các khoản khác	204.144.658.342	187.594.822.102	16.549.836.240	276.077.321.932
Cộng	379.774.178.133	350.467.501.617	29.436.176.516	451.836.341.723
				347.879.736.892
				103.956.604.831

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	7.614.310.021	(867.221.325)	9.578.467.600	-
Nguyên liệu, vật liệu	106.149.645.128	(5.224.961.474)	97.696.727.283	(6.488.049.338)
Công cụ, dụng cụ	5.923.858.365	-	6.186.543.628	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	527.698.315.269	(11.202.264.969)	477.948.207.519	(11.202.264.969)
Thành phẩm nhập kho	84.979.297.181	(216.670.796)	78.128.974.842	(221.225.721)
Hàng hoá	-	-	160.695.000	-
Hàng gửi bán	11.992.679.150	-	-	-
Cộng	744.358.105.114	(17.511.118.564)	669.699.615.872	(17.911.540.028)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	6.059.592.143	451.805.730	5.231.514.264	1.279.883.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp	448.844.936	-	432.296.993	16.547.943
Thuế thu nhập cá nhân	50.058.784	-	26.846.778	23.212.006
Các loại thuế khác	29.501.774	105.419	-	29.607.193
Cộng	6.587.997.637	451.911.149	5.690.658.035	1.349.250.751
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	57.832.226.869	38.614.218.165	50.206.585.421	69.424.594.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.587.891.395	2.277.428.588	4.088.090.987	11.398.553.794
Thuế thu nhập cá nhân	1.230.662.643	1.294.835.812	2.726.953.419	2.662.780.250
Thuế tài nguyên	2.117.612.844	1.033.705.301	381.026.960	1.464.934.503
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	3.853.920.657	1.936.449.246	268.171.369	2.185.642.780
Phí, lệ phí khác phải nộp Nhà nước	88.549.770.954	2.363.609.106	239.359.982	86.425.521.830
Các loại thuế khác	1.440.686.860	129.405.200	119.626.400	1.430.908.060
Thuế xuất khẩu	-	423.930.590	423.930.590	-
Cộng	164.612.772.222	48.073.582.008	58.453.745.128	174.992.935.342

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày đầu kỳ	261.407.125.883	1.080.780.360.601	201.621.980.949	8.363.216.979	1.552.172.684.412
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.852.555.530	-	-	-	2.852.555.530
Mua trong kỳ	-	8.786.791.909	2.110.454.546	33.990.455	10.931.236.910
Thanh lý tài sản cố định	(714.033.211)	(25.421.303.716)	(13.420.181.234)	-	(39.555.518.161)
Phân loại lại	533.907.894	(71.920.788)	(580.565.287)	118.578.181	-
Tại ngày cuối kỳ	264.079.556.096	1.064.073.928.006	189.731.688.974	8.515.785.615	1.526.400.958.691
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu kỳ	164.655.660.786	791.893.967.349	170.885.343.391	8.363.216.979	1.135.798.188.505
Khấu hao trong kỳ	4.793.227.488	19.631.411.426	4.576.135.142	178.983.356	29.179.757.412
Thanh lý tài sản cố định	(535.453.878)	(16.651.735.057)	(12.153.521.891)	-	(29.340.710.826)
Phân loại lại	(1.664.810.638)	1.415.416.832	1.342.246.909	(1.092.853.103)	-
Tại ngày cuối kỳ	167.248.623.758	796.289.060.550	164.650.203.551	7.449.347.232	1.135.637.235.091
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	96.751.465.097	288.886.393.252	30.736.637.558	-	416.374.495.907
Tại ngày cuối kỳ	96.830.932.338	267.784.867.456	25.081.485.423	1.066.438.383	390.763.723.600

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty dừng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu kỳ	28.583.669.806	737.500.000	29.321.169.806
Mua trong kỳ	-	129.500.000	129.500.000
Tại ngày cuối kỳ	28.583.669.806	867.000.000	29.450.669.806
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu kỳ	1.050.328.933	737.500.000	1.787.828.933
Khấu hao trong kỳ	9.070.200	5.436.828	14.507.028
Tại ngày cuối kỳ	1.059.399.133	742.936.828	1.802.335.961
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	27.533.340.873	-	27.533.340.873
Tại ngày cuối kỳ	27.524.270.673	124.063.172	27.648.333.845

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (i)	1.025.346.674.081	1.025.346.674.081	978.846.683.283	978.846.683.283
Dự án Thủy điện Cấm Thủy 2 (ii)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	1.029.936.245.395	1.029.936.245.395	983.436.254.597	983.436.254.597

- (i) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m2 có chức năng chính là các khu nhà ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở: thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.
- Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại. Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- (ii) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng Công ty đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới là Công ty TNHH Thanh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)****b. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp CTCP VLXD Đông Anh (i)	7.084.709.941	7.084.709.941
Trụ sở làm việc và Văn phòng cho thuê tại Lô E7, đường Phạm Hùng (ii)	9.671.801.536	9.671.801.536
Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy Nhôm Đông Anh	525.721.714	525.721.714
Khác	2.024.703.398	1.627.056.583
Cộng	19.306.936.589	18.909.289.774

(i) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m²) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty Licogi - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m² cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m²) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTEP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên kết			378.647.154.969			378.647.154.969
Công ty CP Licogi 14	25,94%	25,94%	102.059.022.598	25,94%	25,94%	52.372.956.000
Công ty CP Licogi 19	22,62%	22,62%	1.616.916.854	22,62%	22,62%	1.999.068.969
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	20,40%	40,00%	18.000.443.037	20,40%	40,00%	16.540.000.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	44,11%	44,11%	301.991.630.000	44,11%	44,11%	301.991.630.000
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	23,63%	45,58%	5.743.500.000	23,63%	45,58%	5.743.500.000
Đầu tư vào công ty liên doanh			159.253.337.143			159.253.337.143
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	37,41%	42,00%	159.253.337.143	37,41%	42,00%	159.253.337.143
Công ty Liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam (i)	-	-	-	-	-	-
Tổng			537.900.492.112			537.900.492.112
			640.960.811.679			625.587.557.296

(i) Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam đã ngừng hoạt động nên giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào công ty này được Tổng Công ty xác định bằng 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	-	7.895.068.192	-
Công ty CP Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	-	25.001.671.600	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	-	10.530.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Đăkdrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	13.753.805.608	-
Công ty CP Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	780.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	(85.673.179)	1.000.000.000	(85.673.179)
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(257.368.101)	300.000.000	(257.368.101)
Cộng		59.260.545.400	(343.041.280)	59.260.545.400	(343.041.280)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Licogi 13	79.824.456.346	79.824.456.346	80.360.997.405	80.360.997.405
Công ty CP Licogi 16	41.244.903.354	41.244.903.354	41.244.903.354	41.244.903.354
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	19.984.864.545	19.984.864.545	25.403.729.985	25.403.729.985
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	18.009.100.513	18.009.100.513	19.359.100.513	19.359.100.513
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	16.200.052.752	16.200.052.752	17.200.052.752	17.200.052.752
Công ty CP Sông Đà 7	10.799.168.222	10.799.168.222	10.995.665.990	10.995.665.990
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XNK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
Phải trả các đối tượng khác	497.787.968.632	497.787.968.632	569.760.612.235	569.760.612.235
Cộng	687.087.465.974	687.087.465.974	767.562.013.844	767.562.013.844
b. Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)	2.682.899.716	2.682.899.716	1.432.899.716	1.432.899.716

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	123.958.663.721	123.958.663.721	127.412.252.992	127.412.252.992
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình	25.982.058.700	25.982.058.700	25.982.058.700	25.982.058.700
Khách hàng dự án Đồi T5	2.323.315.949	2.323.315.949	6.012.170.322	6.012.170.322
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	18.417.250.785	18.417.250.785	18.417.250.785	18.417.250.785
Các đối tượng khác	163.672.104.284	163.672.104.284	106.224.469.821	106.224.469.821
Cộng	365.060.516.979	365.060.516.979	314.755.326.160	314.755.326.160

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÁN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay	108.945.429.679	73.272.335.371
Chi phí phải trả các công trình xây dựng lớn	98.959.640.315	114.513.189.706
Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh)	1.958.581.502	1.988.581.502
Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	3.601.719.453	3.601.719.453
Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	8.631.867.514	18.417.961.333
Dự án 20 Cộng hòa Thành phố Hồ Chí Minh	6.823.705.099	6.823.705.099
Công trình Thủy điện Đăkrinh	16.072.791.214	16.072.791.214
Công trình Thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	35.076.376.873	40.813.832.445
Cộng	207.905.069.994	187.785.525.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/ DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	6.711.482.393	5.978.029.835
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	54.540.955.330	51.830.584.480
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	52.700.000.000	-
Phải trả về cổ phần hoá	17.891.411.578	14.342.961.818
Công ty TNHH Thanh Bình (i)	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	103.560.397.580	144.894.938.503
Cộng	237.972.961.306	219.615.229.061
b. Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (ii)	165.000.000.000	165.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (iii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.559.046.075	2.569.079.258
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.260.000.000	1.461.834.001
Phải trả ông Nguyễn Đức Miêng	-	4.989.966.817
Cộng	233.819.046.075	234.020.880.076
c. Phải trả khác là các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.2)</i>	60.625.000.000	60.625.000.000

- (i) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 với Tổng Công ty.
- (ii) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.
- (iii) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng công ty - Công ty mẹ để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Vay ngắn hạn						
Nợ ngắn hạn	1.652.081.696.255	1.652.081.696.255	720.677.958.929	670.228.212.827	1.601.631.950.153	1.601.631.950.153
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	871.562.307.619	871.562.307.619	124.466.519.723	143.477.188.984	890.572.976.880	890.572.976.880
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	56.080.660.740	56.080.660.740	96.262.667.538	110.872.797.093	70.690.790.295	70.690.790.295
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	272.161.826.492	272.161.826.492	320.004.458.385	304.171.157.282	256.328.525.389	256.328.525.389
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	162.270.366.838	162.270.366.838	134.650.552.040	53.697.061.600	81.316.876.398	81.316.876.398
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	31.365.259.227	31.365.259.227	12.293.198.872	12.961.488.134	32.033.548.489	32.033.548.489
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	38.683.385.369	38.683.385.369	-	18.069.267.985	56.752.653.354	56.752.653.354
Công ty CP Licogi 17	35.095.798.562	35.095.798.562	22.795.805.081	26.241.251.749	38.541.245.230	38.541.245.230
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	88.631.504.966	88.631.504.966	8.345.000.000	-	80.286.504.966	80.286.504.966
Công ty CP Licogi 15	36.337.859.176	36.337.859.176	711.177.708	698.000.000	36.324.681.468	36.324.681.468
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	50.621.495.207	50.621.495.207	-	-	50.621.495.207	50.621.495.207
Công ty CP Lắp máy Điện nước	9.271.232.059	9.271.232.059	1.148.579.582	40.000.000	8.162.652.477	8.162.652.477
Nợ dài hạn đến hạn trả	25.213.979.606	25.213.979.606			28.658.595.129	28.658.595.129
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	12.728.898.491	12.728.898.491			14.814.555.185	14.814.555.185
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	766.487.481	766.487.481			1.176.119.881	1.176.119.881
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	6.870.614.347	6.870.614.347			6.870.614.347	6.870.614.347
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	2.900.000.000	2.900.000.000			3.200.000.000	3.200.000.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	1.947.979.287	1.947.979.287			2.597.305.716	2.597.305.716
Cộng	1.677.295.675.861	1.677.295.675.861			1.630.290.545.282	1.630.290.545.282

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ)

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-201902269 ngày 04 tháng 12 năm 2019. Hạn mức cấp tín dụng là 110.000.000.000 đồng. Trong đó, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng, và hạn mức cấp bảo lãnh là 10.000.000 đồng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ tối thiểu 3 tháng 1 lần, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời hạn của khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là máy móc và thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL01.2018 ngày 15/10/2018 và cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - CTCP theo Hợp đồng cầm cố cổ phiếu 2018-02/HĐCC ký ngày 15/10/2018. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 99.979.374.633 đồng.

- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội bao gồm 2 hợp đồng vay:

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1480-LAV-201800196 ngày 21 tháng 08 năm 2018. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn hiệu lực cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời hạn của khoản vay tối đa là 10 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng chuyên dụng, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, lắp đặt hệ thống xây dựng. Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng công ty Licogi - CTCP và các chi nhánh phụ thuộc của Tổng Công ty. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 22.503.978.987 đồng.

Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự đổ, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 11.800.000.000 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/134627/HĐTD ngày 22 tháng 01 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 498.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 298 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 200 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/12/2020. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 297.986.135.740 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1300-LAV-201900564 ngày 25/04/2019. Hạn mức cấp tín dụng là 80.000.000.000 đồng. Trong đó, hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và sẽ được xác định lại theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời hạn của khoản vay tối đa là 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công các công trình xây dựng, kinh doanh bê tông và cấp bảo lãnh. Lãi suất vay là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo bao gồm: Hợp đồng cầm cố phần số 1300-LCP-201900526, số 1300-LCP-201900527, số 1300-LCP-201900528, số 1300-LCP-201900529 ngày 23/04/2019; và hợp đồng thế chấp tài sản số 1300-LCP-201900524 ngày 23/04/2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharyo). Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 49.111.172.412 đồng.
- Hợp đồng vay số 10_2019/HĐV_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22/04/2019 đến ngày 22/07/2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 2.641.537 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 217.500.000.000 đồng.
- Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông sân Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 2.563.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay số 02/2017/HĐV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 14,5%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ Khí Đông Anh. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 85.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2020 là 8.500.000.000 đồng.
- Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Trong đó bao gồm Hợp đồng vay số 304_2018/HĐV_LICOGI kí ngày 31 tháng 05 năm 2018 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ và tài khoản cho Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay là 9%/năm. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 76.618.645.847 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Anh. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở Thư tín dụng L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 34.503.296.988 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lương Sơn. Lãi suất 8%/năm. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất tấm lợp fibroximang. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty với tổng giá trị 5.800.000.000 đồng. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 4.313.136.535 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20093/HM/HĐTD.DAH ngày 07 tháng 05 năm 2020. Hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng bao gồm số dư phát hành thư tín dụng có nguồn thanh toán từ nguồn vốn vay theo hợp đồng này. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá 06/06/2021. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất cho vay được được xác định tại thời điểm giải ngân vốn theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm và/ hoặc Hợp đồng bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 4.095.077.840 đồng.

- Các khoản vay huy động vốn cá nhân và các đối tượng khác với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 13.169.149.377 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 70/2019-HĐCVHM/NHCT144-CKĐA ngày 03/12/2019. Hạn mức cấp tín dụng: 120.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng kỳ, được xác định trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn của hợp đồng kể từ ngày 03/12/2019 đến hết ngày 30/11/2020. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hình thức đảm bảo tiền vay: thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 42.198.355.213 đồng.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tin dụng hạn mức số 01/2019/153720/HĐTD ngày 06 tháng 06 năm 2019. Hạn mức cấp tín dụng: 220.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tin dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Các hình thức đảm bảo tiền vay: thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 7.348.432.019 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/20/CTD/VCB.CD-CKDA ngày 08 tháng 05 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 08 tháng 05 năm 2021. Mục đích của khoản vay được quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận. Các hình thức bảo đảm tiền vay: theo các biện pháp bảo đảm và hợp đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 87.961.137.774 đồng.

- Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 3210.19.031.588099. TD ngày 21 tháng 02 năm 2019. Hạn mức cấp tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2019, thời hạn tối đa đối với từng khoản vay là 06 tháng đối với khoản vay sản xuất kinh doanh nhóm, đức cơ khi, thanh toán chi phí lương và tối đa 08 tháng đối với sản xuất kinh doanh kết cấu thép và giàn không gian. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhôm, đúc cơ khí, kết cấu thép và giàn không gian. Biện pháp bảo đảm khoản vay là thế chấp động sản, bất động sản, hàng tồn kho luân chuyển chi tiết theo hợp đồng này. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 5.175.318.001 đồng.

- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo bản thỏa thuận chung và tiện ích số 04 ngày 26 tháng 06 năm 2019 căn cứ vào thỏa thuận chung về tiện ích số VHN 155676. Tổng hạn mức tiện ích là 114.000.000.000 VNĐ hoặc USD tương đương. Lãi suất được điều chỉnh cụ thể theo thông báo của Ngân hàng. Thời hạn vay 1 tháng kể từ ngày của Thỏa thuận và được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác từ Ngân hàng. Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN 100481/MR và các bản sửa đổi của Công ty; Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho số VHN 100481/MS và các văn bản sửa chữa đến thời điểm 30/06/2020 là 94.515.655.374 đồng.

- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số BIZ201912515050/HHTD ngày 06 tháng 08 năm 2019. Hạn mức cấp tín dụng: 160.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 06 tháng 08 năm 2019. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là Bất động sản chi tiết theo hợp đồng bảo đảm giữa Ngân hàng và Công ty. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 34.962.928.111 đồng.

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 84/2020/378369/ĐDTD ngày 25 tháng 06 năm 2020. Hạn mức tín dụng không vượt quá 75.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán là 30 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Lãi suất vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung. Số dư nợ vay tính đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 29.148.150.000 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng vay hạn mức số 0102.19/48.05-CTD ngày 12 tháng 09 năm 2019. Hạn mức tín dụng không vượt quá 80.000.000.000 đồng trong đó hạn mức giới hạn vay và bảo lãnh thanh toán là 50 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất tại phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh, nhà văn phòng hình thành trong tương lai được xây dựng trên Quyền sử dụng đất tại phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh và các phương tiện vận tải hiệu HOWO. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 49.833.336.838 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất vay 1,16%/tháng. Dưới 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 10.096.807.999 đồng.

(viii) Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi

- Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông theo hợp đồng số 19/2016/HĐV-LCG-KDG ngày 07 tháng 11 năm 2016, hợp đồng số 06/2019/HĐV-LCG-KDG ngày 12/08/2019, hợp đồng số 11/2019/HĐV-LCG-KDG và hợp đồng số 04/2020 HĐV-LCG-KDG ngày 22/05/2020. Thời hạn 12 tháng, lãi suất vay 8-10%/năm. Mục đích vay để thực hiện dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và được tự động gia hạn tái tục thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 46.425.000.000 đồng.

- Khoản vay Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MIK HOME theo các hợp đồng vay vốn số 1010/2018/HĐV-LCG-MIK HOME ngày 10 tháng 10 năm 2018, hợp đồng vay vốn số 29/2018/ HĐV-LCG-MIK HOME ngày 24/09/2018, hợp đồng vay vốn số 2112/2018/HĐV-LCG-MIK HOME ngày 21/12/2018. Lãi suất của khoản vay là 10%/ năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, thanh toán tiền cho nhà thầu, nhà cung cấp, thanh toán chi phí cưỡng chế các hộ dân và chi phí hoạt động của Công ty phục vụ dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua 11 căn hộ chung cư tại Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng làm việc và nhà ở thấp tầng tại Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 40.092.357.966 đồng.

- Các khoản vay cá nhân với lãi suất 10-12%/năm. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay để thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 2.114.147.000 đồng.

(ix) Công ty Cổ phần Licogi 15

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 20.702.759.000 đồng.

- Vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 15.635.100.176 đồng.

(x) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo từng Hợp đồng thế chấp cụ thể với Ngân hàng. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30/06/2020 là 17.866.295.510 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ, lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty theo từng Hợp đồng thế chấp cụ thể với Ngân hàng. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 32.755.199.697 đồng.

(xi) Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước

- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201200231/HĐTD. Lãi suất vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Thời hạn vay 8 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 4.900.956.630 đồng.

- Vay Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà. Lãi suất 16%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là các tài sản thế chấp của Công ty. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 2.850.000.000 đồng.

- Vay huy động vốn cá nhân. 9% - 9,5%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 1.520.275.429 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b. Vay dài hạn	307.391.816.966	307.391.816.966	3.121.055.945	62.586.965.353	366.857.726.374	366.857.726.374
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ) (i)	239.281.819.649	239.281.819.649	-	55.678.577.852	294.960.397.501	294.960.397.501
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Anh (ii)	3.096.166.686	3.096.166.686	2.166.055.945	867.632.400	1.797.743.141	1.797.743.141
Công ty CP Cơ khí Đồng Anh Licogi (iii)	15.708.014.369	15.708.014.369	-	3.033.828.672	18.741.843.041	18.741.843.041
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (iv)	3.395.400.000	3.395.400.000	955.000.000	2.057.600.000	4.498.000.000	4.498.000.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi (v)	3.603.593.288	3.603.593.288	-	300.000.000	3.903.593.288	3.903.593.288
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (vi)	5.752.638.574	5.752.638.574	-	649.326.429	6.401.965.003	6.401.965.003
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (vii)	24.247.184.400	24.247.184.400	-	-	24.247.184.400	24.247.184.400
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (viii)	12.307.000.000	12.307.000.000	-	-	12.307.000.000	12.307.000.000
Cộng	307.391.816.966	307.391.816.966			366.857.726.374	366.857.726.374
Nợ dài hạn đến hạn trả	(25.213.979.606)	(25.213.979.606)			(28.658.595.129)	(28.658.595.129)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	282.177.837.360	282.177.837.360			338.199.131.245	338.199.131.245
(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)						

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng số 02/2015/134627/HĐTD ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền 49.108.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vay đầu tiên, lãi suất vay áp dụng tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 3 tháng/lần vào các đầu mỗi quý theo thông báo tại thời điểm điều chỉnh của Ngân hàng. Mục đích vay sử dụng tiền vay là đầu tư Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án. Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2020 là 3.733.937.333 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)**

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2013/HĐTD ngày 16 tháng 09 năm 2013 với số tiền 88.982.600.000 đồng, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ vay, được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phục vụ theo Quyết định số 14A/12/QĐ-HĐTV-ĐTTB ngày 22 tháng 04 năm 2013 của hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng v/v Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị (Thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phụ trợ thi công nền móng). Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có hình thành trong tương lai, toàn bộ số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng tiền VNĐ và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác, doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 13.935.842.316 đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở theo Hợp đồng tín dụng số 092015/HĐTD/SANGCAT/PB-LICOGI ngày 30 tháng 09 năm 2015 với số tiền vay 2.534.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi suất vay được quy định trong từng kế ước nhận nợ. Mục đích sử dụng tiền vay là tài trợ mua 2 máy sàng cát phục vụ Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công theo Hợp đồng mua bán số 26/CL-LICOGI/2015 ngày 15/07/2015 giữa Tổng công ty và Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Công nghệ thông tin & truyền thông CITRA. Biện pháp bảo đảm là máy sàng cát Sotres D120-50 mới 100% và máy sàng cát Sotres D120-50 đã qua sử dụng, cùng quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất trong suốt thời hạn vay; toàn bộ các tài sản thuộc dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội (Dự án) đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 152.040.000 đồng.

Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến ngày 27 tháng 03 năm 2021. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 221.460.000.000 đồng.

(ii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Huyện Lương Sơn. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi. Mục đích vay để mua xe đầu kéo HOWO và Sơ mi rơ moóc 13m. Phương thức bảo đảm: đảm bảo theo hợp đồng số 10/2015. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 27.314.558 đồng.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi. Mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại. Khoản vay được đảm bảo bởi 1 xe ô tô pickup, 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu MITSUBISHI, màu xám, sản xuất năm 2014 và các tài sản đảm bảo khác cho toàn bộ nghĩa vụ nợ. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 4.172.923 đồng.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cấp cải tạo dây chuyền sản xuất tấm lợp AC số 01 giai đoạn 1 tại xí nghiệp tấm lợp AC Đông Anh, Hà Nội. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 3.064.679.205 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Khoản vay theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12/2017-HĐCVDADT/NHCT144-CKĐA ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh. Hạn mức cho vay: 11.225.000.000 đồng. Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất là 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích để thanh toán các chi phí hợp lý cho Dự án Đầu tư dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng bằng công nghệ Alphaset công suất 2.000 tấn/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được ký kết với Ngân hàng hoặc các biện pháp bảo đảm khác được xác lập trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 13.838.014.369 đồng.

- Khoản vay theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 15/2018-HĐCVDADT/NHCT144-CKDA ngày 21 tháng 05 năm 2018 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương. Hạn mức tín dụng: 20.037.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất là 7,5%/năm. Thời hạn vay 61 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy Nhóm Đông Anh - Giai đoạn 1. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được ký kết với Ngân hàng hoặc các biện pháp bảo đảm khác được xác lập trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng, trong đó có Hợp đồng bảo đảm số 18/2018/HĐBĐ/NHCT144-CKĐA ngày 11/05/2018. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 1.870.000.000 đồng.

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa. Lãi suất được tính 10,6%/năm trong 6 tháng đầu tiên từ khi giải ngân và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Thời hạn vay để đầu tư nhà máy trộn bê tông tươi công suất 250m³/h và trạm trộn đá dăm cấp phối 100m³/h và đầu tư mua 4 xe trộn bê tông dung tích bồn trộn 10m³. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của 04 xe trộn bê tông HOWO/SINOTRUK dung tích bồn trộn 10m³ với giá trị thể chấp là 4.560 triệu đồng. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 2.120.000.000 đồng.

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam. Lãi suất quy định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercedes-Benz E300 AMG mới 100% theo Hợp đồng bán hàng số 534/2017/HĐBH ngày 11/10/2017. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay với tổng giá trị tài sản tạm tính 2.580.000.000 đồng. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 1.275.400.000 đồng.

(v) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi. Lãi suất trong hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2016 áp dụng lãi suất 10%/năm, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng 1 lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh và bằng lãi suất tiết kiệm trả sau loại tiền VND của BIDV Quảng Ngãi tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay và không cao hơn trần lãi suất cho vay theo quy định của BIDV. Thời hạn vay 7 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Mục đích vay để đầu tư dự án khai thác mỏ đá núi Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án hệ thống dân giáo, đã đỡ phục vụ thi công và quyền khai thác, khoáng sản số 02/2015/711559/HĐBĐ ngày 01/10/2015. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 3.603.593.288 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(vi) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất nhôm kính kết cấu tại KCN Hòa Cẩm, Đà Nẵng. Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay tại xưởng sản xuất cửa nhôm kính kết cấu, đường số 9 - KCN Hòa Cẩm - Đà Nẵng; Nhà xưởng, vật kiến trúc tại đường số 9 - KCN Hòa Cẩm - Đà Nẵng theo quyết định và việc phê duyệt Dự án đầu tư xưởng sản xuất nhôm kính kết cấu của Tổng Công ty Licogi - CTCP Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 ngày 28/03/2016.

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị và xe máy chuyên dùng phục vụ HD xây lắp theo HĐKT số 2001/2017/HĐKT/LICOGI10-358 ngày 21/07/2017. Tài sản đảm bảo: 2 xe xúc lật, 1 máy cào vơ, 4 ô tô điện, quạt gió khử bụi và băng tải theo HĐKT số 2001/2017/HĐKT/LICOGI10-358 ngày 21/07/2017 giữa công ty với CTCP Đầu tư Xây dựng 358.

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay để mua 1 máy đào hầm không nổ mìn hiệu Changlin theo HĐKT số 2017/HĐKT/LICOGI10-CC875 ngày 01/08/2017. Tài sản đảm bảo: Máy khai thác kiểu rung theo HĐKT số 2017/HĐKT/LICOGI10-CC875 ngày 01/08/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Chính Công 875.

Tổng số dư nợ gốc của cả 3 hợp đồng trên tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 5.752.638.574 đồng.

(vii) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

- Khoản vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hạ Long. Thời hạn vay đến khi Công ty hoàn tất thủ tục lập hợp đồng mua, bán căn hộ cho khách hàng tại dự án. Mục đích để triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt. Tài sản đảm bảo: Quyền mua căn hộ tại dự án. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 24.247.184.400 đồng.

(viii) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội. Lãi suất 9,5%/năm. Mục đích để đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 10.800.000.000 đồng.

- Khoản vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất áp dụng theo lãi suất của Ngân hàng BIDV. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Nguồn vay không có tài sản đảm bảo. Số dư gốc vay tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020 là 1.507.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng
	VND	VND					VND	VND	VND	VND	
Tại ngày đầu năm trước	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	75.950.358.181	2.083.295.470	(501.025.306.021)	96.549.548.552	484.505.636.514			
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(68.603.300.840)	4.591.421.476	(64.011.879.364)			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.726.666.859	-	(23.209.755.195)	(14.575.437.617)	(28.058.525.953)			
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	60.109	(59.109)	1.000			
Tại ngày cuối năm trước	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	85.677.025.040	2.083.295.470	(592.838.301.947)	86.565.473.302	392.435.232.197			
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	(36.880.980.007)	1.706.067.899	(35.174.912.108)			
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	3.146.577.342	-	(3.146.577.342)	-	-			
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.146.810.047)	(891.192.693)	(6.038.002.740)			
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.077.728.400)	(4.077.728.400)			
Tặng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-	(356.516.994)	(43.921.006)	(400.438.000)			
Tại ngày cuối kỳ	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	88.823.602.382	2.083.295.470	(638.369.186.337)	83.258.699.102	346.744.150.949			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
Cộng	100,0%	900.000.000.000	100,0%	900.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Tổng Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh Xây lắp; bộ phận kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng và bộ phận kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

	Hoạt động Xây lắp		Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng		Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	198.181.879.930		644.207.594.237		21.102.655.656		863.492.129.823		863.492.129.823	
Chi phí bộ phận trực tiếp	157.923.481.222		571.744.287.728		13.871.827.842		743.539.596.792		743.539.596.792	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.258.398.708		72.463.306.509		7.230.827.814		119.952.533.031		119.952.533.031	
Tổng chi phí mua TSCĐ	14.310.939.255		-		-		14.310.939.255		14.310.939.255	
Tài sản bộ phận	721.469.426.860		2.611.999.307.424		63.373.094.395		3.396.841.828.679		3.396.841.828.679	
Tài sản không phân bổ	-		-		-		912.471.736.178		912.471.736.178	
Tổng tài sản	735.760.366.115		2.611.999.307.424		63.373.094.395		4.323.624.504.112		4.323.624.504.112	
Nợ phải trả bộ phận	905.774.009.566		2.944.297.913.770		96.447.954.943		3.946.519.878.279		3.946.519.878.279	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		16.049.535.629		16.049.535.629	
Tổng nợ phải trả	905.774.009.566		2.944.297.913.770		96.447.954.943		3.962.569.413.908		3.962.569.413.908	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	864.447.620.900	892.982.448.324
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	645.163.085.314	712.797.655.417
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.780.718.443	6.565.372.098
Doanh thu hợp đồng xây dựng	198.181.879.930	166.392.574.329
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	16.321.937.213	5.112.541.115
Doanh thu hoạt động khác	-	2.114.305.365
Các khoản giảm trừ doanh thu	955.491.077	34.214.238
<i>Trong đó:</i>		
Giảm giá hàng bán	424.898.077	18.048.100
Hàng bán bị trả lại	530.593.000	16.166.138
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	863.492.129.823	892.948.234.086

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng	571.744.287.728	675.945.476.041
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	892.823.187	5.025.994.685
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	158.323.902.686	158.036.029.754
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	12.979.004.655	2.784.025.011
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(400.421.464)	(6.001.811.051)
Giá vốn của hoạt động khác	-	315.871.000
Cộng	743.539.596.792	836.105.585.440

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.229.934.394	1.297.759.528
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	45.932.043.199
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.402.917	12.237.584
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	554.474	60.775.811
Doanh thu hoạt động tài chính khác	545.350.000	621.168.000
Cộng	3.782.241.785	47.923.984.122

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi tiền vay	53.017.768.296	58.484.950.286
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	383.851.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	18.962.994	14.810.510
Dự phòng/ hoàn nhập tổn thất đầu tư	-	(4.361.740.300)
Chi phí tài chính khác	376.333.422	428.986.129
Cộng	53.413.064.712	54.950.858.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	822.499.093	1.809.787.223
Chi phí nhân công	13.496.811.830	9.720.013.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	727.592.013	522.395.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.180.193.722	2.719.437.546
Chi phí khác bằng tiền	10.985.885.656	8.186.688.852
Chi phí bảo hành	31.148.320	221.719.232
Cộng	29.244.130.634	23.180.042.184

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.000.117.526	4.569.195.555
Chi phí nhân công	45.211.139.187	47.426.069.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.482.363.231	3.968.294.906
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	2.187.764.725	(2.903.006.789)
Chi phí bằng tiền khác	23.589.482.906	27.888.415.465
Cộng	79.470.867.575	80.948.968.540

7. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.290.909.090	8.361.121.077
Tiền phạt thu được	-	51.871.083
Dự phòng bảo hành công trình	-	49.720.164
Thu nhập khác	6.352.764.713	3.960.060.934
Cộng	7.643.673.803	12.422.773.258

8. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	3.905.366.228	250.310.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	281.773.113	9.585.917.607
Các khoản bị phạt	1.206.695.834	2.841.647.302
Các khoản chi khác	12.052.928.001	1.654.384.228
Cộng	17.446.763.176	14.332.259.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	1.513.195.491	1.335.063.105
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	242.467.143	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	499.687.514	5.730.122
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi	22.078.440	385.288
Cộng	2.277.428.588	2.629.030.816

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế	(36.880.980.007)	(83.668.548.997)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(36.880.980.007)	(83.668.548.997)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(410)	(930)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính:

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Các khoản vay	1.677.295.675.861	1.630.290.545.282
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	199.800.668.071	210.866.723.277
Nợ thuần	1.477.495.007.790	1.419.423.822.005
Vốn chủ sở hữu	346.744.150.949	392.435.232.197
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	426,11%	361,70%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Tổng Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, theo đó Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty theo dõi biến động giá thị trường và thực hiện trích lập dự phòng phù hợp cho phần giảm giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tổng Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.800.668.071	-	-	199.800.668.071
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.176.524.968.890	1.108.699.108	-	1.177.633.667.998
Các khoản cho vay	63.665.206.850	1.500.000.000	-	65.165.206.850
Cộng	1.439.990.843.811	2.608.699.108	-	1.442.599.542.919
Tại ngày cuối kỳ				
Vay và nợ	1.677.295.675.861	282.177.837.360	-	1.959.473.513.221
Phải trả người bán, phải trả khác	925.060.427.280	233.819.046.075	-	1.158.879.473.355
Chi phí phải trả	207.905.069.994	-	-	207.905.069.994
Cộng	2.810.261.173.135	515.996.883.435	-	3.326.258.056.570
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.370.270.329.324)	(513.388.184.327)	-	(1.883.658.513.651)
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày đầu kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	210.866.723.277	-	-	210.866.723.277
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.338.125.618.569	1.125.699.108	-	1.339.251.317.677
Các khoản cho vay	64.881.257.810	6.500.000.000	-	71.381.257.810
Cộng	1.613.873.599.656	7.625.699.108	-	1.621.499.298.764
Tại ngày đầu kỳ				
Vay và nợ	1.630.290.545.282	338.199.131.245	-	1.968.489.676.527
Phải trả người bán, phải trả khác	987.177.242.905	234.020.880.076	-	1.221.198.122.981
Chi phí phải trả	187.785.525.077	-	-	187.785.525.077
Cộng	2.805.253.313.264	572.220.011.321	-	3.377.473.324.585
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.191.379.713.608)	(564.594.312.213)	-	(1.755.974.025.821)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	53.096.466.840	58.827.517.800	53.096.466.840	58.827.517.800
Các khoản cho vay và phải thu	1.177.633.667.998	1.339.251.317.677	1.177.633.667.998	1.339.251.317.677
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>841.556.329.667</i>	<i>1.027.069.259.431</i>	<i>841.556.329.667</i>	<i>1.027.069.259.431</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>336.077.338.331</i>	<i>312.182.058.246</i>	<i>336.077.338.331</i>	<i>312.182.058.246</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	211.869.408.081	223.420.463.287	211.869.408.081	223.420.463.287
Cho vay ngắn hạn	12.068.740.010	12.553.740.010	12.068.740.010	12.553.740.010
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.800.668.071	210.866.723.277	199.800.668.071	210.866.723.277
Tổng cộng	<u>1.442.599.542.919</u>	<u>1.621.499.298.764</u>	<u>1.442.599.542.919</u>	<u>1.621.499.298.764</u>
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.959.473.513.221	1.968.489.676.527	1.959.473.513.221	1.968.489.676.527
Phải trả người bán	687.087.465.974	767.562.013.844	687.087.465.974	767.562.013.844
Phải trả khác	471.792.007.381	453.636.109.137	471.792.007.381	453.636.109.137
Chi phí phải trả	207.905.069.994	187.785.525.077	207.905.069.994	187.785.525.077
Tổng cộng	<u>3.326.258.056.570</u>	<u>3.377.473.324.585</u>	<u>3.326.258.056.570</u>	<u>3.377.473.324.585</u>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2020 và ngày 01/01/2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.272.727.272	2.272.727.272
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	2.272.727.272	2.272.727.272
Thu lãi vay	545.350.000	621.168.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	545.350.000	621.168.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	46.073.256.699
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	-	39.848.274.249
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Long	-	1.500.000.000
Công ty CP Licogi 12	-	358.020.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	4.366.962.450

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Trả trước cho người bán	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay	12.068.740.010	12.553.740.010
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	12.068.740.010	12.553.740.010
Phải thu khác	4.609.034.912	4.628.746.912
Công ty CP Licogi 19	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	457	457
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	271.322.000	291.034.000
Phải trả người bán ngắn hạn	2.682.899.716	1.432.899.716
Công ty CP Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	1.250.000.000	-
Vay và nợ tài chính	270.448.000.000	308.290.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	270.448.000.000	308.290.000.000
Phải trả khác	60.625.000.000	60.625.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	625.000.000	625.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****3. KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2012, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án để chấn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo Hợp đồng số 08.1/HĐKT-LCC-Licogi.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã Quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM-PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô 19.206.866.091 đồng tiền tạm ứng thừa và 12.656.798.538 đồng tiền lãi chậm trả. Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục Giám đốc thẩm và hoãn thi hành án. Đơn đề nghị đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành Phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2020, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh các khoản phải trả này vào Báo cáo tài chính khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

4. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét.



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 08 năm 2020